

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/DS-ST

Ngày 28/4/2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Trinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh

2. Ông Phạm Văn Liệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Văn Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 411/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37A/QĐXX – ST ngày 20 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 31A/2021/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Võ Thị D, sinh năm 1964.

Địa chỉ: số 76, Đường AA, Khóm 1, phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

-Bị đơn: Nguyễn Hữu H, sinh năm 1967

Chị Phạm Thị D, sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: số 96, ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp

(Anh H, chị D vắng mặt không lý do).

**NHẬN THẤY**

Tại đơn khởi kiện ngày 02/12/2020, bản tự khai ngày 06/12/2020 chị D trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên vào năm 2020 chị D có cho vợ chồng anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1967, chị Phạm Thị D, sinh năm 1969, địa chỉ: số 96, ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp vay số tiền 380.000.000 đồng, anh H, chị D có viết biên nhận nợ cho cho chị D ngày 12/3/2020. Sau khi anh H, chị D nhận 380.000.000đ của chị D vào buổi sáng thì chiều cùng ngày anh H đến nhà chị

D hỏi vay thêm 120.000.000 đồng, anh H viết biên nhận tiền cùng ngày 12/3/2020, lãi suất cho vay 2%/ tháng, mục đích vay kinh doanh Xà Lang chở hàng.

Khi vay anh H chị D có hẹn đến tháng 8/2020 dương lịch sẽ trả tiền cho chị D nH chỉ trả được 10.000.000 đồng tiền gốc và đến nay cũng không trả tiền vốn lãi. Chị D có đến nhà anh H chị D yêu cầu thanh toán nợ nH hẹn lần nữa và có hứa là không có tẩu tán tài sản trong nhà của vợ chồng anh gồm: 01 ngựa gỗ, bộ ghế Rie I, 01 bàn tròn, ghế nghi để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho chị D , nH đến nay vợ chồng anh H, chị D cũng không trả nợ cho chị D.

Chị D yêu cầu vợ chồng anh H, chị D cùng chịu trách nhiệm liên đới trả cho tôi số tiền gốc 370.000.000 đồng và trả lãi 12%/ năm (01 %/ tháng), thời gian tính lãi từ ngày 12/3/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Đối với biên nhận nợ mà anh H ký nhận 120.000.000 đồng thì chị D yêu cầu cá nhân anh H phải trả và đồng thời phải trả lãi 12%/năm thời gian tính lãi từ ngày 12/3/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa, chị D thay đổi yêu cầu, không yêu cầu anh H, chị D liên đới chịu trách nhiệm trả lãi. Chỉ yêu cầu anh H, chị D cùng liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền gốc còn nợ là 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng). Yêu cầu cá nhân anh H phải trả số tiền gốc 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Chị D cam kết biên nhận nợ ngày 12/3/2020 đối với số tiền gốc 380.000.000 đồng là chị D viết, anh H chị D cùng ký tên, biên nhận nợ 120.000.000đồng là anh H viết. Chị D sẽ chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu hai biên nhận nợ ngày 12/3/2020 không phải là của anh H, chị D.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Hữu H, bà Phạm Thị D không có ý kiến trình bày. Tại xác nhận nơi cư trú của công an xã 2 xác nhận anh H, chị D không có mặt tại địa phương do đã đi làm ăn, thường đi đi về về tại địa phương. Khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số 411/TBTL-VA ngày 11/12/2020 cho bị đơn theo biên bản niêm yết ngày 14 ngày 12 tháng 2020, hết thời hạn có văn bản trả lời cho Tòa án, anh H, chị D không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án. Ngày 11 tháng 01 năm 2021 Tòa án Niêm yết hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, anh H, chị D vắng mặt không có lý do. Ngày 24 tháng 02 năm 2021 Tòa án Niêm yết hợp lệ thông báo về hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần hai, anh H, chị D vắng mặt không có lý do. Ngày 20 tháng 3 năm 2021 Tòa án huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp đã tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37A/2010/QĐXXST – DS ngày 20 tháng 3 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 08 tháng 4 năm 2021 theo quy định của pháp luật.*

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện 02/12/2020 của chị Võ Thị D.
- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của chị Võ Thị D.

- Biên nhận vay tiền ngày 12/3/2020.
- Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện.

## XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ được thu thập hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa ý kiến của nguyên đơn, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị D và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn là anh H, chị Diễm có nơi cư trú tại ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần hai. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được để tiếp tục giải quyết vụ án.

Ngày 20 tháng 3 năm 2010 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37A/2021/QĐXXST – DS, vụ án được xét xử vào lúc 7 giờ 30 phút ngày 08 tháng 4 năm 2021, bị đơn anh H, chị D mặt lần thứ nhất không có lý do. Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa ngày 08 tháng 4 năm 2021, phiên tòa được xét xử vào lúc 7 giờ 30 phút ngày 28/4/2021, bị đơn anh H, chị D vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H, chị D là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét tại biên nhận vay tiền tiền do anh H, chị D ký ngày 12/3/2021 vay của chị D số tiền gốc 380.000.000 đồng và biên nhận cùng ngày 12/3/2020 anh H vay số tiền gốc là 120.000.000 đồng. Khi vay thỏa thuận lãi suất 2%/ tháng, mục đích vay kinh doanh Xà Lang chở hàng. Từ khi vay đến tháng 8/2020 anh H chị D chỉ trả được 10.000.000 đồng tiền gốc cho biên nhận 380.000.000 đồng. Hiện anh H, chị D còn nợ chị D 370.000.000 đồng, cá nhân anh H nợ chị D 120.000.000 đồng. Do anh H, chị D không thanh toán nợ cho chị D nên chị D khởi kiện.

Tại phiên tòa, chị D không yêu cầu anh H, chị D liên đới chịu trách nhiệm trả lãi. Chỉ yêu cầu anh H, chị D cùng liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền gốc còn nợ là 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng). Yêu cầu cá nhân anh H phải trả số tiền gốc 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), nên phát sinh “ Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản” theo Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại Điều 463 ghi: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.*

[2.1] Xét đối với bị đơn anh H, chị D. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần hai và tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, và quyết định hoãn phiên tòa nh anh H, chị D vẫn không đến Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp để giải quyết. Vì vậy căn cứ vào tài liệu, chứng cứ chứng minh của chị D gồm hai biên nhận nợ ngày 12/3/2020 của chị D cung cấp xác định anh H, chị D cùng liên đới vay của chị D 380.000.000 đồng, đã trả 10.000.000 đồng, còn lại 370.000.000 đồng, cá nhân anh H còn nợ chị D 120.000.000 đồng là có thật.

Tại Tòa, chị D không yêu cầu anh H, chị D liên đới chịu trách nhiệm trả lãi. Chỉ yêu cầu anh H, chị D cùng liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền gốc còn nợ là 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng). Yêu cầu cá nhân anh H phải trả số tiền gốc 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, buộc anh H, chị D có trách nhiệm liên đới trả cho chị D số tiền gốc còn nợ 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng). Buộc cá nhân anh H phải trả cho chị D số tiền gốc 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) là phù hợp Điều 463, 466, Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bị đơn có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị D.
  - 1.1 Buộc anh H, chị D có trách nhiệm liên đới trả cho chị D số tiền gốc còn nợ 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng).
  - 1.2 Buộc cá nhân anh H phải trả cho chị D số tiền gốc 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

1.3 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

## **2.Án phí dân sự sơ thẩm:**

Anh H, chị D có trách nhiệm liên đới phải chịu 18.500.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh H có trách nhiệm liên đới phải chịu 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Chị D không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 13.000.000 đồng ( Mười ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BI/2019/ 0006964 ngày 09 tháng12 năm 2020 của Chi Cục Thi hành án huyện Thanh Bình.

Nguyên đơn có mặt tại tòa có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm Phán – chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

### **Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Đồng Tháp
- VKS huyện Thanh Bình
- THADS huyện Thanh Bình
- Người tham gia tố tụng
- Lưu Hồ sơ & Văn Phòng

**Nguyễn Thị Kim Trinh**